CÔNG TY CP CHÍ KIÊN 168

Số: 18A/DHĐTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 03 năm 2026

-------o0o-------

CÔNG BỐ THÔNG TIN DỪNG HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGHÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- **Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên**
- **Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thí nghiệm**

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Chí Kiên 168**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tố, Tổ 9. Phường Bắc Kạn – Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0975 585 803

Website: Chikien168.vn Email: lasxd.1543@gmail.com

Đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo giấy phép Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) Số: 4700263509 Cấp lần đầu ngày 02/08/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/03/2025

Cơ quan cấp phép: Sở tài chính tỉnh Bắc Kạn

Tên phòng thí nghiệm**: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng LAS-XD 04.001**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Đường Nguyễn Văn Tố, Tổ 9. Phường Bắc Kạn – Tỉnh Thái Nguyên

2. Thông tin dừng hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Thời gian dừng hoạt động: **Ngày 15 tháng 04 năm 2026,**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍ KIÊN 168

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trinh

CÔNG TY CP CHÍ KIÊN 168	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 19/2026/ QĐ-CK168	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Vv: "Công bố công khai năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên nghành xây dựng"	*Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

-------o0o-------

QUYẾT ĐINH

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGHÀNH XÂY DỰNG

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực của quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên tổ hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng **Công ty Cổ phần Chí Kiên 168**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) Số: 4700263509.

Đăng ký lần đầu: 02/08/2016 – Cơ quan cấp: Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Kạn

Đăng ký thay đổi lần thứ 7: 17/03/2025 - Cơ quan cấp: Sở tài chính tỉnh Bắc Kạn

- Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tố, Tổ 9. Phường Bắc Kạn – Tỉnh Thái Nguyên
- Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Văn Trinh – Chức vụ: Giám Đốc
- Điện thoại: 0975 585 803
- Email: lasxd.1543@gmail.com
- Website: Chikien168.vn
- Tên phòng thí nghiệm**: Phòng thí nghiệm vật liệu công trình xây dựng**
- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Đường Nguyễn Văn Tố, Tổ 9. Phường Bắc Kạn – Tỉnh Thái Nguyên

(Tiếp tục phát huy năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 04.001 do Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận số:1217/ GCN-SXD Ngày 10/06/2024 và LAS-XD 1543 do Bộ Xây dựng cấp giấy chứng nhận số: 51 /GCN-BXD ngày 06/04/2021)

2. Thông tin về năng lực của chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiêm	Thí nghiệm viên thực hiện
Thử nghiệm cơ lý xi măng				
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023 ASTM C188;C204 BS EN 196:2005	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình thủy tinh, bể ổn nhiệt	Vi Văn Thuận Nông Thị Thúy Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 ASTM C109 BS EN196:2005	Máy nén vạn năng, thước thép, khăn lau	
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 6017:2015 TCVN8875:2012 TCVN8876:2012 ASTM C187;C191 ISO 679:2009 BS EN196:2005	Bộ Vicat, đồng hồ, bay chảo, dụng cụ Le Chatelier	
Thử nghiệm cơ lý cốt liệu cho bê tông và vữa				
4.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:06		Vi Văn Thuận Nông Thị Thúy Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
5.	Xác định thành phần cỡ hạt, modun độ lớn	TCVN 7572-2:06	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn	
6.	Hướng dẫn xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3 :2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng TC, kính lúp, thuốc thử, đũa thủy tinh	
7.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình thủy tinh, tấm kính, khăn thấm	
8.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình thủy tinh, tấm kính, khăn thấm	
9.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:06	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng đong	
10.	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06	Tủ sấy, cân kỹ thuật, khay	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiêm	Thí nghiệm viên thực hiện
11.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06 ; TCVN 10321 :2014	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng rửa, đồng hồ bấm giây, tấm kinh, kim sắt	
12.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06	Cân kỹ thuât, sàng, ống thủy tinh, thuốc thử , bảng màu	
13.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	Máy khoan, cắt, thước kẹp, máy nén	
14.	Xác định độ nén dập, hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy nén, bộ côn nén dập, sàng TC	
15.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06	Máy Los Angeles Cân KT, sàng TC, Tủ sấy	
16.	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liêu lớn	TCVN 7572-13:06	Tủ sấy, sàng TC, Thước kẹp thoi dẹt	
17.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hoá	TCVN 7572-17:06	Tủ sấy, sàng TC, kim sắt, búa con	
18.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	Cân KT, kính lúp	
19.	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:06	Cân phân tích, tủ sấyn sangd TC, giấy nhám..	
20.	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91 AASHTO T176	Cân phân tích, ống hình trụ, bình chứa dung dịch thử	
21.	Độ góc cạnh của cốt liệu mịn, cốt liệu thô	TCVN 8860-7:2011 TCVN 11807: 2017	Cân KT, tủ sáy, thùng đong, phễu, giá đỡ; tấm kinh, khay	
Thử nghiệm cơ lý hỗn hợp bê tông và bê tông nặng				
22.	Xác định độ sụt hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106: 2022	Bộ côn thử độ sụt, bay thước, đồng hồ bấm	
23.	Xác định độ cứng vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107: 2022	Thiết bị vebe, đồng hồ bấm giây, bàn rung	
24.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108: 2022	Cân KT. thùng đong	
25.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 2022	Cân, sàng, tủ sấy, bay, bàn rung, giấy thấm ...	
26.	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111: 2022	Bình chứa, búa cao su,	Vi Văn Thuận

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiêm	Thí nghiệm viên thực hiện
	của bê tông		que đầm, bơm tay ...	Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
27.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 2022	Bình pycnometer, Cân, sàng, tủ sấy, bình hút ẩm, nước cất	
28.	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110 :1993	Cân KT, tủ sấy, sàng, bay, xẻng, khay sấy	
29.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022	Cân KT, tủ sấy, bình hút ẩm, bàn chải....	
30.	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114 : 2022	Máy mài, cân KT, thước kẹp	
31.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022	Cân, tủ sấy, bình hút ẩm, thước đo	
32.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 2022	Máy thử thấm, khuôn thấm, bàn chải	
33.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 2022	Máy nén, thước đo, đệm truyền tải.....	
34.	Xác định giới hạn bền khi uốn	TCVN 3119: 2022	Máy nén, thước đo,	
35.	Xác định giới hạn bền kéo dọc khi bửa	TCVN 3120: 2022	Máy nén, thước đo, gối truyền tải	
36.	Xác định cường độ năng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726: 2022	Máy nén, thước đo, khung biến dạng, đồng hồ	
37.	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	ASTM C1064: 23 AASHTO T309 JIS A1156 :06	Thùng chứa mẫu, nhiệt kế điện tử	
38.	Xác định thời gian đông kết bê tông	TCVN 9338:2012	Thùng chứa mẫu, nhiệt kế, sàng, bộ xuyên kim	
39.	Lấy mẫu bê tông bằng khoan từ cấu kiện	TCVN 12252: 2020	Máy khoan, máy nén, máy cắt, thước kẹp.....	
40.	Xác định các tính chất của bê tông tự đầm	TCVN 12209:2018	Bộ côn thử độ sụt, bay thước, đồng hồ bấm ..	
41.	Thiết kế cấp phối bê tông	TCVN 12394: 2018 QĐ số: 778/1998	Máy trộn, khay, tủ sấy, cân KT	
Thử nghiệm cơ lý vữa xây				
42.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2022	Bộ sàng, cân TK, tủ sấy, khay đựng	Vi Văn Thuận

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiêm	Thí nghiệm viên thực hiện
43.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022	Bàn rằn, khâu, chày, thước, bay xẻng	Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
44.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022	Cân KT, thùng đong	
45.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003	Máy hút chân không, đồng hồ bấm giây, Bàn rằn, khâu, chày, thước, bay xẻng	
46.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10 : 2022	Bộ cân thủy tĩnh, tủ sấy, thước kẹp, nến...	
47.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Khâu, kim xuyên, vòng đệm, thùng dưỡng, đồng hồ.....	
48.	Xác định cường độ uốn, nén của vữa đông rắn	TCVN 3121-11: 2022	Máy nén, gộ gá nén, uốn, thùng dưỡng....	
49.	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn với nền	TCVN 3121-12: 2022	Vòng nón cụt, thùng dưỡng, ...	
50.	Xác định độ hút nước vữa đóng rắn	TCVN 3121-18: 2022	Tủ sấy, thùng dưỡng, cân KT, đồng hồ ...	
Thử nghiệm cơ lý gạch				
51.	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN6355-1:2009;	Thước đo, thước kẹp	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
52.	Xác định cường độ nén, uốn, độ hút nước của gạch xây	TCVN6355-2:2009; TCVN6355-3:2009; TCVN6355-4:2009;	Máy nén, thước đo, bay chảo, tấm kính, cân, tủ sấy, thùng....	
53.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân, tủ sấy, thước đo	
54.	Xác định độ rỗng của gach xây	TCVN 6355-6:2009	Bộ bàn cân thủy tĩnh	
55.	Xác định vết bong tróc do vôi Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-7: 2009 TCVN 6055-8: 2009	Thùng dữ ẩm, tủ sấy, khay, bình chứa nước. bàn chải....	
56.	Gạch bê tông tự chèn Xác định tính chất cơ lý	TCVN 6476: 1999	Máy nén, tủ sấy, thước thép, cân...	
57.	Xác định tính chất cơ lý của gạch bê tông	TCVN 6477: 2016	Máy nén, tủ sấy, thước thép, cân...	
58.	Xác định tính chất cơ lý của gạch xi măng lát nền	TCVN 6065:95	Máy mài mòn, tủ sấy, thước thép, cân...	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiêm	Thí nghiệm viên thực hiện
59.	Xác định tính chất cơ lý của gạch bê tông bọt, khí chưng áp và không chưng áp	TCVN 7959:11; TCVN 9029:17; TCVN 9030:17;	Máy nén, tủ sấy, thước thép, cân...	
60.	Xác định tính chất cơ lý gach Terrazzo	TCVN 7744 :13	Máy mài mòn, tủ sấy, thước thép, cân...	
Thử nghiệm cơ lý dung dịch Bentonite				
61.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893: 2017 TCVN 9395:2012	Bộ cân tỷ trọng	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng
62.	Xác định độ ổn định Xác định độ nhớt phễu Marsh	TCVN 11893: 2017 TCVN 9395:2012	Bộ cân tỷ trọng đồng hồ bấm giây, bộ phễu Marsh	
63.	Xác định hàm lượng cát Xác định độ PH	TCVN 11893: 2017 TCVN 9395:2012	Bộ ống thủy tinh chia vạch, giấy quỳ, bảng màu chuẩn	
64.	Xác định hàm lượng tách nước	TCVN 11893: 2017 TCVN 9395:2012	Cốc thủy tinh chia vạch, giấy lọc, thuốc thử	
65.	Xác định tỷ lệ chất keo (độ trương nở)	TCVN 11893: 2017 TCVN 9395:2012	Cốc đong 100 mL	
66.	Xác định độ dày áo sét	TCVN 11893: 2017 TCVN 9395:2012	Cốc thủy tinh chia vạch, đồng hồ bấm giây	
67.	Xác định lực cắt tĩnh	TCVN 11893: 2017 TCVN 9395:2012	Bộ dụng cụ Shearometer, đòng hồ bấm giây	
Thử nghiệm phụ gia hóa học cho bê tông				
68.	Xác định độ pH	TCVN 8826:2011	Giấy quỳ, bảng màu chuẩn	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn
69.	Xác định tỷ trọng; màu sắc	TCVN 8826:2011	Bộ cân tỷ trọng	
	Thử nghiệm nhựa bitum			
70.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005 ASTMD5-97	Bộ đo kim lún tự động	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh
71.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005 ASTM D 113-99	Máy đo giãn dài, bể ổn nhiệt	
72.	Xác định nhiệt điểm hoá mềm(Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005 ASTM D36-00	Bộ đo hóa mềm tự động	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiêm	Thí nghiệm viên thực hiện
73.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005 TCVN 8818-2:2011 ASTM D 92-02B	Bộ điểm chớp cháy, đồng hồ bấm giây, ...	Trần Văn Chiến
74.	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005 ASTM D6-00	Cốc mỏ, tủ sấy, cân KT...	
75.	XĐ tỷ lệ KLNĐ sau khi ĐN ở 163°C trong 5h so với KL ở 25°C	22TCN 279:01	Cốc mỏ, tủ sấy, cân KT...	
76.	Xác định độ hoà tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:2023	Cốc mỏ, tủ sấy, cốc lọc, bộ gá, lưới lọc	
77.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005 ASTM D70-03	Cốc thử, nước khử ion Tỷ trọng kế thủy tinh	
78.	Xác định chỉ số kim lún PI	PL II TT 27/14 BGTVT	Bộ đo kim lún tự động	
79.	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005	Dây bộc, cốc thủy tinh bếp điên, nhiệt kế....	
Thử nghiệm nhũ tương nhựa đường axit				
80.	Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7495:2005	Bình thép	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
81.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005	Bộ đo kim lún tự động	
82.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	Máy đo giãn dài, bể ổn nhiệt	
83.	Xác định độ hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005	Cốc mỏ, tủ sấy, cốc lọc, bộ gá, lưới lọc	
84.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011	Nhớt kế, phễu lọc, bể ổn nhiệt, bình đong...	
85.	Xác địnhđộ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011	Cốc, cân, đũa khuấy, tủ sấy, Pi Pét, bình lưu	
86.	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011	Tủ sấy, cân, bình hút ẩm, khay, cốc thủy tinh,	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiêm	Thí nghiệm viên thực hiện
			nhiệt kế	
87.	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011	Cốc thủy tinh, bể ổn nhiệt, đồng hồ bấm giây, nguồ 12V....	
88.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011	Tủ sấy, cân, cốc mỏ, sàng, đũa kim loại, thuốc thử.....	
89.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011	Tủ sấy, cân, khay, sàng, đũa kim loại, chảo trộn, ống đong	
90.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011	Cân, sàng, chảo trộn, dao trộn, pi pet, nhiệt kế, ống dẫn	
91.	Thử nghiệm độ trưng cất	TCVN 8817-9:2011	Cân, sàng, bộ bình chưng cất, bộ ống thuy tinh	
92.	Thử nghiệm độ bay hơi	TCVN 8817-10:2011	Cốc thủy tinh, đũa thủy tinh, Cân, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn	
93.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011	Cốc thủy tinh, ống đong dung tích, nhiệt kế, nước cất, ...	
94.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	Bình đong tiêu chẩn, bể ổn nhiệt, cân TC	
95.	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Cốc mỏ, ống đong, chảo, bay trộn, sàng tiêu chuẩn	
Thử nghiệm nhựa đường lỏng				
96.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011	Bộ điểm chớp cháy, đồng hồ bấm giây, ...	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
97.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Bộ bình chưng cất, bộ ống thuy tinh, dung môi	
98.	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011	Cân, sàng, bộ bình chưng cất, bộ ống thuy tinh	
99.	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế	TCVN 8818-5:2011	Bộ hút chân không, bộ mao kế thủy tinh, bể ổn	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện
	mao dẫn chân không)		nhiệt, nước cất	
Thử nghiệm bê tông nhựa				
100.	Xác định độ ổn định, độ dẻo marshall	TCVN 8860-1:2011	Cân, tủ sấy, bộ đầm Marshall	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
101.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011	Tủ sấy, cân sàng tc, máy triết li tâm, giấy lọc, dung môi, lò nung	
102.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn	
103.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình thủy tinh, máy hút chân không, cân kt, chân không kế	
104.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Bộ bàn cân thủy tĩnh, tủ sấy, bộ đầm Marshall	
105.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Cân, tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại	
106.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Cân, tấm kính, dao gạt, ống đong, phễu, giá đỡ	
107.	Xác định độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Bộ đầm Marshall, máy khoan, máy cắt, bộ bàn cân thủy tĩnh...	
108.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Bộ đầm Marshall, bộ bàn cân thủy tĩnh...	
109.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Bộ đầm Marshall, bộ bàn cân thủy tĩnh...	
110.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Bộ đầm Marshall, bộ bàn cân thủy tĩnh...	
111.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Bộ đầm Marshall, bộ bàn cân thủy tĩnh...	
112.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng: Thiết kế theo phương pháp	TCVN 8820:2011	Tủ sấy, cân, sàng, bộ đầm marshall, lò nung,	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiêm	Thí nghiệm viên thực hiện
	Marshall	TCVN 13567: 2022	máy triết	
Thử nghiệm VL bột khoáng trong BTN				
113.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8735: 2012	Tủ sấy, bình hút ẩm, chày cối sứ, bếp điện, nước cất, cốc sứ ...	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
114.	Xác định thành phần hạt; hàm lượng mất khi nung;	TCVN 12884-2: 2020	Cân phân tich, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, bình hút ẩm	
115.	Xác định độ ẩm	TCVN 12884-2: 2020	Cân phân tich, tủ sấy, khay nhôm	
116.	Xác định chỉ số dẻo	TCVN 4197: 2012	Cân, sàng, tấm kính nhám, hộp ẩm, bộ Casagrande	
117.	Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884-2: 2020	Cân, tủ sấy, bát sứ, chày, đũa thủy tinh, nước cất, dầu hỏa	
Thử nghiệm cơ lý kim loại liên kết hàn				
118.	Thử kéo	TCVN 197:2014 (ISO 6892:1998)	Máy kéo, máy cắt, thước thép	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
119.	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)	Máy kéo, máy cắt, bộ gối uốn	
120.	Thử phá hủy mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo, bộ gối uốn	
121.	Thử phá hủy mối hàn – Thử kéo ngang	TCVN 8310:10	Máy kéo, máy cắt	
122.	Thử phá hủy mối hàn – Thử kéo dọc	TCVN 8311:10	Máy kéo, máy cắt	
123.	Cốt thép – Phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 6287:97	Máy kéo, bộ gối uốn	
124.	Lớp phủ mạ kẽm nóng – Phương pháp thử	TCVN 5408:2007	Máy đo chiều dày	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiêm	Thí nghiệm viên thực hiện
125.	Thử nghiệm kéo bulong	TCVN 1919:95	Máy kéo, bộ gá kéo bulong	
Thử nghiệm cơ lý đất, cấp phối đá dăm, cấp phối thiên nhiên trong phòng				
126.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Tủ sấy, cân, dầu hỏa, bình tỷ trọng, bộ bình hút chân không, bếp..	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
127.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, cân, bình hút ẩm, rây, cốc sứ	
128.	Xác đinh giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Tủ sấy, cân, Bộ chảy dẻo Casagrande	
129.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Tủ sấy, cân, bộ sàng tiêu chuẩn, khay	
130.	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông – đầm nén PROCTOR	TCVN 4201:2012 TCVN 12790: 2020	Bộ cối chày đầm, tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng, dao gạt, chày cối	
131.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	Tủ sấy, bình hút ẩm, tấm kính, cân kỹ thuật dao vòng	
132.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792: 2020	Tủ sấy, cân, sàng, bộ cối CBR, thùng ngâm, máy nén CBR	
133.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012 ASTM D2434:06	Bộ dao vòng, bộ thử thấm, nhiệt kế, sàng, cân, thước	
134.	Trương nở của đất sét	TCVN 8719:2012 ASTM D 4546	Giá đỡ, dao vòng, khay, đồng hồ biến dạng	
135.	Đặc trưng co ngót của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8720:2012	Bộ dao vòng, thước kẹp cân KT, paraphin, dao cắt,.....	
136.	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Bộ dao vòng, cân KT, bình thủy tinh, phao, lưới thép.....	
137.	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012 AASHTO T267	Bình hút ẩm, cân KT,PT, sàng, chày cối sứ, giấy lọc.....	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện
138.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Bàn đế, mâm tròn, thùng chứa, sàng TC	
139.	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862: 2011 TCVN 8858: 2023	Máy nén, máy cắt, tấm đệm truyền tải...	
Thử nghiệm hiện trường				
140.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 12791: 2020 TCVN 8730:2012	Cân, bộ dao vòng, bếp cồn, dao gạt. khay...	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
141.	Xác định độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:12; 22TCN 346:06	Cân, bộ dụng cụ rót cát, cát tiêu chuẩn, bếp cồn, khay	
142.	Đo độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3M nhôm, nêm tiêu chẩn	
143.	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011	Bộ xuyên CPR	
144.	Xác định modul đàn hồi của đất nền và các lớp kết cấu áo đường bằng PP sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Kích thủy lực, bộ tấm gia tải, đồng hồ biến dạng	
145.	Xác định môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011	Bộ đo cần Benkelman, đồng hồ đo biến dạng, ...	
146.	Xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Kích thủy lực, bộ tấm gia tải, đồng hồ biến dạng	
147.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:2011	Cân, thước, cát tiêu chuẩn, bàn xoa, chổi sắt, ống đong	
148.	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012	Bộ Súng bắn bật nẩy	
149.	Đo điện trở đất, điện trở chống sét cho công trình	TCVN 9385:2012	Bộ máy đo điện trở	
150.	Kiểm tra không phá hủy xác định chiều rộng vết nứt bê	TCVN 5879:2009	Kính lúp	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiêm	Thí nghiệm viên thực hiện
	tông bằng kính lúp			
Thí nghiệm nước xây dựng				
151.	Xác định độ pH	TCVN 6492: 2011	Bình đựng, nhiệt kế, cảm biến nhiệt, thuốc thử	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
152.	Lượng muối hòa tan	TCVN 4506:2012	Tủ sấy, lò nung, bát sứ, giấy lọc	
153.	Lượng cặn không tan	TCVN 4506:2012	Tủ sấy, lò nung, bát sứ, giấy lọc	
154.	Hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	Nồi cách thủy, ống nghiệm, pipet, buret, bình đong, thuốc thử	
155.	Váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012	Quan sát kính, mắt	

3. Cam kết của công ty

Công ty cổ phần Chí Kiên 168 xin cam kết

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy đinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍ KIÊN 168

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍ KIÊN 168

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-------o0o-------

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 05 năm 2026

DANH SÁCH THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM

1. Thiết bị, dụng cụ và các phương tiện chủ yếu phục vụ cho công tác thí nghiệm:

TT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	SL	ĐVT	HIỆN TRẠNG
1.	**Máy kéo nén vạn năng 1000KN – T.TECH** Khả năng tải lớn nhất: 1000KN Dải đo: (0-1000)KN;d:0.01KN Chiều dày mẫu thép dẹt: 0 - 40mm Đường kính mẫu thép tròn: Ø14 – 40mm , trường hợp thép tròn <14mm sử dụng má kẹp. Hành trình piston: 200mm Công suất motor: 2.1kW Trọng lượng: 3000kg Thân máy chính: L980×W650×H2260mm Bộ điều khiển: L550×W550×H1250 Tiếng ồn: ≤75 dB **Bao gồm:** Máy chính, bộ điều khiển, 1 bộ thớt nén, 3 bộ má kẹp; 1 bộ giá đỡ gối uốn dưới; 1 gối uốn trên; 1dao uốn D50 ; tuy ô thuỷ lực.	VN	1	Chiếc	Hoạt động tốt
2.	**Máy nén bê tông 2000KN** Model: TYA-2000; xuất sứ: Trung Quốc - Dải nén:0-2000KN;cấp chính xác 1%, - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn VN - Hoạt động bằng động cơ điện. - Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ - Điện áp: 220V/50Hz; - -Kích thước: khoảng 850x450x1500, Trọng lượng khoảng: 850kg	TQ	1	Chiếc	Hoạt động tốt
3.	**Máy nén bê tông 2000KN** Model: DYA-2000; xuất sứ: Trung Quốc - Dải nén:0-2000KN;cấp chính xác 1%, - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn VN	TQ	1	Chiếc	Hoạt động tốt

	- Hiển thị điện tử, tự động lưu giữ kết qủa nén và in kết quả sau khi nén, - Hoạt động bằng động cơ điện. - Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ - Điện áp: 220V/50Hz; -Kích thước: khoảng 850x450x1500, Trọng lượng khoảng: 750kg				
4.	Máy xác định độ thấm bê tông Model: HS-4 (HS-40) Áp lực làm việc 4 Mpa, nguồn 220V,120W, kiểm tra 6 mẫu đồng thời, mẫu cao 150mm	TQ	1	Chiếc	Hoạt động tốt
5.	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng thép	VN	12	Ch	Hoạt động tốt
6.	Khuôn bê tông hình trụ 150x300mm, bằng thép	VN	12	Ch	Hoạt động tốt
7.	Bộ gá uốn bê tông 2 điểm, tiêu chuẩn.	VN	6	Bộ	Hoạt động tốt
8.	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, tấm để thép 600x600x2mm (hoặc khay tôn), thanh đầm, ca xúc mẫu, thước là 500mm	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
9.	Bộ xuyên bê tông – XIYI-TQ; Model: HG-80s Dùng xác định thời gian đông kết của bê tông Thể tích thùng chưa mẫu 0-1200N Tối thiểu phân chia 5N; Độ chính xác ±5N Khu vực chịu lực của kim 100mm^2; 50mm^2; 20mm^2	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt
10.	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn Model: YDT90S-8/4 Thiết bị dùng tạo hỗn hợp vữa xi măng, kết cấu đơn giản, cấu tạo gọn, dễ sử dụng, an toàn Bao gồm: Máy chính, cánh khuấy, nồi trộn, bộ phận tự rót cát được lập trình sẵn Tốc độ quay chính của cánh khuấy: 140v/p và 280v/1 Tốc độ quay hành tinh 62v/1 125v/p Điện áp dụng: 220v/50Hz, 1 pha Công suất: 750W Kích thước: 600x320x660mm Trọng lượng: 50Kg Dung tích: 5 lít	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
11.	Máy dằn vữa xi măng tiêu chuẩn Model: ZS-15 Biên độ rung: 15 ± 0,3mm:	TQ	1	Ch	Hoạt động tốt

	Trọng lượng rung 20Kg Nguồn điện 220v/50Hz				
12.	Bộ dụng cụ vi cát Dùng xác định độ dẻo và thời gian đông kết của xi măng bằng cách xuyên mũi kim vào mẫu xi măng. Bao gồm: Thanh chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính. - Kim to dùng xác định độ dẻo tiêu chuẩn của vữa ĐK (17,5 ± 0,5)mm. - Kim nhỏ dùng xác định thời gian đông kết của vữa Đk (2± 0,5)mm. - Khâu chuẩn có dạng hình trụ, Đk trong(76±0,5)mm và chiều cao là (40±1)mm	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt
13.	Thùng hấp mẫu xi măng Dung tích: 20 lít; Kích thước thùng: 220x250x380; Điện nguồn: 220v/50Hz, 1,5KW	VN	1	Ch	Hoạt động tốt
14.	Bàn dằn vữa xi măng Dùng để xác định độ lưu động của vữa xi măng Chiều cao dằn tiêu chuẩn: 12,7mm Kèm khâu chuẩn, chày đầm và thước kẹp 200mm-T.TECH	Vn	1	ch	Hoạt động tốt
15.	Bộ giá nén mẫu xi măng 40x40mm	Vn	1	Bộ	Hoạt động tốt
16.	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
17.	Khuôn xi măng 40x40x160 kẹp 3, bằng thép	Vn	3	Bộ	Hoạt động tốt
18.	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
19.	Bộ gá uốn mẫu gạch xây tiêu chuẩn Dùng để gá thử uốn gạch xây Đường kính gôi uôn: 10mm Khoảng cách 2 gôi uốn dưới: 180mm	Vn	1	Bộ	Hoạt động tốt
20.	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn tiêu chuẩn Kích thước: 120x60x20mm 2 tấm/bộ	Vn	1	Bộ	Hoạt động tốt
21.	Máy thử độ mài mòn Los Angeles: Với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử; kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, 1 khay hứng mẫu. Tốc độ quay 30-33 vòng/phút Điện áp 220VAC/1phase	Vn	1	ch	Hoạt động tốt
22.	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	VN	1	ch	Hoạt động tốt
23.	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng	VN	1	ch	Hoạt động tốt

	đong				
24.	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Hoạt động tốt
25.	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Hoạt động tốt
26.	Thùng dung trọng 3 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Hoạt động tốt
27.	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Hoạt động tốt
28.	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Hoạt động tốt
29.	Thùng dung trọng 20 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Hoạt động tốt
30.	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	VN	1	ch	Hoạt động tốt
31.	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	1	ch	Hoạt động tốt
32.	Bảng màu chuẩn	VN	5	ch	Hoạt động tốt
33.	Dụng cụ hấp thụ nước của cát (bộ côn chày hấp thụ nước của cát)	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
34.	Bộ xác định đương lượng cát Bao gồm: Hộp gỗ, 4 ống mẫu chuẩn, dụng cụ xác định	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
35.	**Bộ sàng cát tiêu chuẩn D300mm**	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
36.	Sàng D300, 10,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
37.	Sàng D300, 5,000 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
38.	Sàng D300, 2,500 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
39.	Sàng D300, 1,250 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
40.	Sàng D300, 0.63 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
41.	Sàng D300, 0,315 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
42.	Sàng D300, 0,140mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
43.	**Bộ sàng đất tiêu chuẩn D300mm**				Hoạt động tốt
44.	Sàng D300, 10,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
45.	Sàng D300, 5,000 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
46.	Sàng D300, 2,000 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
47.	Sàng D300, 1,000 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
48.	Sàng D300, 0,5 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
49.	Sàng D300, 0,25 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
50.	Sàng D300, 0,100 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
51.	**Bộ sàng đá cấp phối D300mm**				Hoạt động tốt
52.	Sàng D300, 50,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
53.	Sàng D300, 37,5 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
54.	Sàng D300, 25,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
55.	Sàng D300, 19,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
56.	Sàng D300, 9,500 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
57.	Sàng D300, 4,750 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt

58.	Sàng D300, 2,360 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
59.	Sàng D300, 0,425 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
60.	Sàng D300, 0,075 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
61.	**Bộ sàng cốt liệu BTN D300mm**				Hoạt động tốt
62.	Sàng D300, 37,5 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
63.	Sàng D300, 25,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
64.	Sàng D300, 20 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
65.	Sàng D300, 19,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
66.	Sàng D300, 12,5 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
67.	Sàng D300, 9,500 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
68.	Sàng D300, 4,750 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
69.	Sàng D300, 2,360 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
70.	Sàng D300, 1,180 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
71.	Sàng D300, 0,6 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
72.	Sàng D300, 0,3 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
73.	Sàng D300, 0,15 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
74.	Sàng D300, 0,075 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
75.	**Bộ sàng cốt liệu ĐLN D300mm**				Hoạt động tốt
76.	Sàng D300mm, 100,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
77.	Sàng D300mm, 75,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
78.	Sàng D300mm, 70,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
79.	Sàng D300mm, 63,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
80.	Sàng D300mm, 60,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
81.	Sàng D300mm, 50,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
82.	Sàng D300mm, 40,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
83.	Sàng D300mm, 15,0 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
84.	Sàng D300mm, 1,7 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
85.	Sàng D300mm, 1,25 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
86.	Sàng D300mm, 1,00 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
87.	Sàng D300mm, 0,5 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
88.	Sàng D300mm, 0,425 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
89.	Sàng D300mm, 0,25 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
90.	Sàng D300mm, 0,14 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
91.	Sàng D300mm, 0,10 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
92.	Sàng D300mm, 0,09 mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
93.	Đáy + Nắp cho sàng D300 mm	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
94.	Thiết bị xác định góc cạnh của cát theo TCVN 8660 – 7:2011. Bao gồm: phễu côn rót, bộ gá phễu, ống đong dung tích chuẩn.	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
95.	Máy nén CBR/MARSHALL 50KN	TQ	1	Ch	Hoạt động tốt

	Dùng xác định sức chịu tải của vật liệu san nền, bê tông nhựa… Kiểu dáng Châu Âu, theo tiêu chuẩn ASTM, AAHTO và phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam. Hoạt động bằng động cơ điện Hai tốc độ gia tải: Tốc độ CBR: 1,25mm/phút Tốc độ Marshall: 50,8mm/phút Nguồn: 220-240V/50-60HZ, 1 pha, 750W Kích thước: 640x440x1200mm Khôi lượng: 130kg Bao gồm: máy chính, piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so, bộ gá ép 2 nửa (Chưa kèm cung lực).				
96.	Khuôn CBR tiêu chuẩn - Tiêu chuẩn VN, ASTM, mạ cầu vồng. Gồm: thanh khuôn, cổ khuôn, đê khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.	VN	3	Bộ	Hoạt động tốt
97.	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất – T.TECH Bao gồm: tấm kính, bình xịt, 3 cốc ấm, dao trộn, bát trộn, hộp đựng.	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
98.	Thiết bị xác định giới hạn chảy casegrande Bao gồm: bộ dụng cụ xác định độ giới hạn chảy của đất kèm bộ đếm, dụng cụ khía rãnh, miết rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng bằng gỗ.	VN	1	Ch	Hoạt động tốt
99.	Côi proctor tiêu chuẩn	VN	1	Ch	Hoạt động tốt
100.	Cối proctor cải tiến	VN	2	Ch	Hoạt động tốt
101.	Chày proctor tiêu chuẩn	VN	1	Ch	Hoạt động tốt
102.	Chày proctor cải tiến	VN	2	Ch	Hoạt động tốt
103.	Bộ vaxilieps-TQ Model: ZY-1	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
104.	Máy nén đất tam liên loại thấp áp Model WG-1C Kèm theo: Bộ quả cân, đá thấm, dao cắt, 03 đồng hồ so 10x0.01mm.	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt
105.	Máy cắt đất 2 tốc độ Kèm: bộ quả cân, hộp cắt, cung lực 1,2mm, 02 đồng hồ so 10x0.01mm.	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt
106.	Cung lực 30KN, đồng hồ chỉ thị 10x0,01 mm	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt
107.	Cung lực 50KN, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt
108.	Máy đo độ giãn dài nhựa Theo TCVN, ASTM. Tốc độ kéo tiêu chuẩn: 50,8mm/phút	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt

	Khả năng kéo max: 1500mm Động cơ điện 220v/50Hz. Kèm theo: 3 khuôn tiêu chuẩn số 08 và 01 để khuôn đúc mẫu.				
109.	Thiết bị kim lún nhựa Đồng hồ chỉ thị 50mm, sai số 0,01mm; Kèm cốc mẫu, cốc bảo ôn giữ nhiệt, 3kim tiêu chuẩn.	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
110.	Thiết bị tổn thất khi nung Bao gồm: mô tơ tốc độ tiêu chuẩn, giá quay, 09 hộp mẫu tiêu chuẩn chịu nhiệt	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
111.	Thiết bị hóa mềm nhựa Bao gồm: Cốc thủy tinh, giá đỡ khuôn mẫu, 2 bộ khâu tiêu chuẩn, 2 viên bi chuẩn.	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
112.	Máy ly tâm tách nhựa 3000g Khối lượng mẫu max: 3000g Tốc độ quay được điều khiển từ 0-2800V/phút bằng biến tần – Nhật Điện áp nguồn: 220v/50Hz	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
113.	Bộ thiết bị lò nung 1200 °C	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt
114.	Bộ dụng cụ hút ẩm	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt
115. 5	Giấy lọc cho ly tâm 3000g, D330, loại dày, 100 tờ/ hôp	VN	1	Hộp	Hoạt động tốt
116.	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay Trọng lượng búa: 4,53Kg Chiều cao rơi: 45,7cm Kích thước: 300x300x1033mm Bao gồm: Chày đâm, thanh dẫn, thanh đỡ, đế đầm, đế gỗ, 4 bulong dài, tấm đế, cổ khuôn + thân khuôn + đế khuôn marshall.	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
117.	Bể ổn nhiệt marshall 32 lít Bộ đặt nhiệt độ tùy ý	VN	1	Ch	Hoạt động tốt
118.	Búa thử độ cứng bê tông Thích hợp cho kết cấu có độ cứng 10-70N/mm^2. Năng lượng va đập của lò xo 2.207J. Đơn vị đo N/mm^2 (MPa). Kích thước D80x320mm Cung cấp với túi đựng bằng vải, đá mài và hướng dẫn sử dụng	Ý	1	Bộ	Hoạt động tốt
119.	Máy định vị cốt thép profometer 5 Cung cấp bao gồm: Máy chính với màn hình cảm ứng, đầu dò đa năng với xe đẩy, cáp đầu dò 1,5m, nguồn nuôi, cáp USB, phấn, phần mềm, tài	Thụy sĩ	1	Bộ	Hoạt động tốt

	liệu, dây đeo và hộp đựng.				
120.	Bộ đo E bằng tâm ép tĩnh Bao gồm: Tấm ép 340mm, tấm tự lựa, kích thủy lực 32 tấm gắn đồng hồ chỉ thị lực 16 tấn, bộ giàn đỡ thiên phân kế, 02 bộ hồ sơ 10x0,01mm	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
121.	Bộ cần benkenman Kiểu dáng Châu Âu Tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX, rút 3 đoạn, hình thức gọn gang, có mô tơ rung, có bọt thủy thăng bằng, dễ sử dụng kèm 01 đồng hồ so 10x0.1mm	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
122.	Bộ dao vòng lấy mẫu đất. Bao gồm: Chày, thanh dẫn, Gá dao vòng, 3 lưỡi dao, hộp đựng bằng gỗ	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
123.	Phễu rót cát hiện trường Kèm: Bình cát chuẩn bằng nhựa, tấm dung trọng hiện trường, 3gim, thùng gỗ.	VN	4	Bộ	Hoạt động tốt
124.	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát. Bao gồm: hộp gỗ, ống đong tiêu chuẩn, bàn xoa chuẩn, chổi mềm.	VN	1	Bộ	Hoạt động tốt
125.	Máy đo điện trở đất 4105A –Kyoritsu Thông số kỷ thuật - Giải đo + Điện trở: 0~20Ω/0~200 Ω/0~2000 Ω + Điện áp đất [50,60Hz]: 0~200V AC - Độ chính xác: + Điện trở: ±2%rdg±0.1Ω (20Ωrange) + Điện áp đất: :±1%rdg±4dgt - Nguồn: R6P (AA) (1.5V) x6 Kích thước: 105(L) x 158(W) x 70(D)mm Khối lượng 550g Gồm: Máy chính, cáp truyền số liệu, cọc tiếp địa, túi da và sách hướng dẫn sử dụng.	Thái Lan	1	Bộ	Hoạt động tốt
126.	Tủ sấy 300C, 70 lít Model: 101-1; đồng hồ chỉ kim	TQ	2	Ch	Hoạt động tốt
127.	Cân điện tử 600g x 0,01	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
128.	Cân điện tử 6Kg x 0.1g - OHAUS Khả năng: 6Kg± 0.1g Kích thước đĩa cân: 294mm x 226mm Tính năng: cân, đếm, trừ bì Nguồn điện: 220v, Adaptor	MỸ	1	ch	Hoạt động tốt
129.	Cân điện tử 30Kg x 0.1g - OHAUS Khả năng: 30Kg± 0.1g	MỸ	2	ch	Hoạt động tốt

	Kích thước đĩa cân: 294mm x 226mm Tính năng: cân, đếm, trừ bì Nguồn điện: 220v, Adaptor				
130.	Cân điện tử 30Kg x 0.5g - SEKO Khả năng: 30Kg± 0.1g Kích thước đĩa cân: 294mm x 226mm Tính năng: cân, đếm, trừ bì Nguồn điện: 220v, Adaptor	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
131.	Cân điện tử 15Kg x 0.5g - SEKO Khả năng: 15Kg± 0.1g Kích thước đĩa cân: 294mm x 226mm Tính năng: cân, đếm, trừ bì Nguồn điện: 220v, Adaptor	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
132.	Bộ dụng cụ thiết bị đo chỉ số Bentonit	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt
133.	Bộ máy đục KEN và SENKYO	TQ	2	Bộ	Hoạt động tốt
134.	Bộ máy và thiết bị khoan rút lõi Φ76; 110;150	ĐL	1	Bộ	Hoạt động tốt
135.	Bộ thiết bị súng bắn bật nẩy	TQ	1	Bộ	Hoạt động tốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍ KIÊN 168

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍ KIÊN 168

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trinh

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN TẠI PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Kèm theo quyết định số 19/2026/ QĐ-CK168 ngày 30/03/2026 của công ty cổ phần Chí Kiên 168)

STT	Lĩnh vực thử nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện
1.	Thử nghiệm cơ lý xi măng và chất kết dính	Vi Văn Thuận Nông Thị Thúy
2.	Thử nghiệm cơ lý cốt liệu cho bê tông và vữa	Vi Văn Thuận Nông Thị Thúy Đoàn Quang Thắng
3.	Thử nghiệm cơ lý hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao
4.	Thử nghiệm cơ lý hỗn hợp Vữa xi măng	Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh
5.	Thử nghiệm cơ lý gạch	Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
6.	Thử nghiệm cơ lý dung dịch Bentonite	Vi Văn Thuận Đoàn Quang Thắng
7.	Thử nghiệm phụ gia hóa học cho bê tông	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn
8.	Thử nghiệm nhựa bitum	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng
9.	Thử nghiệm nhũ tương nhựa đường axit	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao
10.	Thử nghiệm nhựa đường lỏng	Vi Văn Thuận Đoàn Quang Thắng Trần Văn Chiến
11.	Thử nghiệm bê tông nhựa	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh

STT	Lĩnh vực thử nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện
		Trần Văn Chiến
12.	Thử nghiệm VL bột khoáng trong BTN	Vi Văn Thuận Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao
13.	Thử nghiệm cơ lý kim loại liên kết hàn	Vi Văn Thuận Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao
14.	Thử nghiệm cơ lý đất, cấp phối đá dăm, cấp phối thiên nhiên trong phòng	Vi Văn Thuận Nông Thị Thúy Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
15.	Thử nghiệm hiện trường	Vi Văn Thuận Nông Hoài Sơn Đoàn Quang Thắng Đào Tuấn Thao Lê Văn Quỳnh Trần Văn Chiến
16.	Thí nghiệm nước xây dựng	Vi Văn Thuận Nông Thị Thúy Đoàn Quang Thắng